

Bản án số: 20/2021/HS-ST
Ngày 28/4/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Thúy.
2. Bà Phạm Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Đức- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2021/TLST-HS ngày 02/02/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 18/2021/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/HSST-QĐ ngày 01/4/2021, đối với các bị cáo:

1. Bùi Văn T, sinh năm 1965 tại xã GT, huyện GL, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: Thôn AT, xã GT, huyện GL, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/10; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn S, sinh năm 1936 và bà Chu Thị B1 (Đã chết); có vợ là Nguyễn Thị T3, sinh năm 1977 và 02 con, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/12/2020 đến ngày 24/12/2020, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

2. Đoàn Văn B, sinh năm 1985 tại xã GL1, huyện GL, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: Thôn TL, xã GL1, huyện GL, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn A (Đã chết) và bà Nguyễn Thị M2, sinh năm 1955; có vợ là Phạm Thị H, sinh năm 1991 và có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Chưa; Nhân thân: Ngày 04/4/2013 Đoàn Văn B có hành vi đánh bạc (số tiền đánh bạc là 5.730.000 đồng), Bản án số 49/2013/HSST ngày 03/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện

Gia Lộc xử phạt B 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội: Đánh bạc, B đã chấp hành xong bản án (Đã được xóa án tích);

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/12/2020 đến ngày 24/12/2020, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

3. Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1971 tại xã GT, huyện GL, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: Thôn AT, xã GT, huyện GL, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu P (Đã chết) và bà Nguyễn Thị N (Đã chết); có vợ là Nguyễn Thị N2, sinh năm 1970 và 02 con, lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 1995; Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/12/2020 đến ngày 24/12/2020, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

4. Đoàn Văn M, sinh năm 1976 tại xã GK, huyện GL, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: Thôn CD, xã GK, huyện GL, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn T4 sinh năm 1948 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1954; có vợ là Nguyễn Thị B2, sinh năm 1976 và 03 con, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/12/2020 đến ngày 24/12/2020, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

5. Nguyễn Trường T2, sinh năm 1987 tại xã GT, huyện GL, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: Thôn AT, xã GT, huyện GL, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trường K, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1963; có vợ là Trịnh Thị L2, sinh năm 1994 và 01 con sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/12/2020 đến ngày 24/12/2020, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Đoàn Văn B: Bà Nguyễn Thị S, là Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 21/12/2020, Nguyễn Hữu T1 và Đoàn Văn M đến nhà Bùi Văn T trú tại thôn AT, xã GT, huyện GL, tỉnh Hải Dương ngồi chơi uống nước. Trong khi ngồi chơi cả ba người rủ nhau đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức “đánh liêng”. T1 lấy bộ bài tú lơ khơ có sẵn tại nhà T rồi cùng T và M ngồi dưới nền nhà gian buồng tầng 1 nhà T để đánh bạc. Khi cả

03 người đánh bạc được khoảng 10 phút thì có Đoàn Văn B đến, B vào tham gia đánh bạc với cả nhóm. Khoảng 11 giờ 45 phút cùng ngày có Nguyễn Trường T2 cũng đến nhà T, T2 vào cùng tham gia đánh bạc với cả nhóm dưới hình thức “đánh liêng”. Vị trí ngồi đánh bạc thành vòng tròn như sau, bắt đầu từ M, bên phải M là T2, bên phải T2 là T, bên phải T là T1, bên phải T1 là B và bên phải B là M.

Các bị cáo đánh bạc trái phép bằng hình thức “đánh liêng” được thua bằng tiền, cụ thể như sau: Dụng cụ để đánh bạc là bộ bài T2 lơ khơ gồm 52 quân bài từ quân A đến quân K. Khi bắt đầu chơi một người dùng bộ bài trộn đều rồi chia cho mỗi người 03 quân bài úp kín. Trước khi chia bài, mỗi người phải đặt xuống chiếu 20.000 đồng, gọi là “tiền chống cửa”. Sau khi tự xem bài của mình xong thì người được chia bài sẽ tùy thuộc vào “cước” bài của mình mà tố tiền tiếp theo, nhưng số lượng tiền tố tiếp theo không quá 500.000 đồng/1 ván. Sau khi tố xong thì lần lượt những người chơi còn lại tùy thuộc vào “cước” bài của mình có thể theo hoặc không theo. Nếu theo thì bỏ thêm số lượng tiền đã tố, nếu không theo thì úp bài coi như ván đó thua và mất 20.000 đồng đặt cửa. Sau khi tố xong thì các cửa theo tố đều lật bài để so sánh cước bài. Quy định cước bài như sau: Cước lớn nhất là “sáp”, tức là ba quân bài giống nhau. Nếu nhiều người cùng có bài “sáp” thì “sáp” to thắng “sáp” nhỏ. Cước lớn thứ hai là “liêng”, tức là có 03 quân liên tiếp nhau, nếu nhiều người cùng có “liêng” thì “liêng” to thắng “liêng” nhỏ. Cước lớn thứ ba là “ảnh” tức là ba quân bài đều có hình người. Cuối cùng là tính điểm, tổng điểm tính đến 9 (theo quy định cộng tổng điểm của 03 quân bài lại rồi trừ đi 0 hoặc 10 hoặc 20, quân bài có hình tính bằng 0 điểm), bài nào điểm to thì thắng. Nếu những người chơi cùng điểm thì phải so sánh chất theo thứ tự bé dần là: rô, cơ, tép, bích. Bài của ai có cước hoặc điểm lớn nhất thì thắng và được thu hết tiền (gồm cả tiền đặt cửa và tiền tố) của những người chơi khác. Người nào thắng có quyền chia bài ván sau và có quyền tố đầu tiên của ván bài đó. Cứ như vậy mỗi ván bạc diễn ra trong khoảng thời gian từ 5 đến 7 phút.

Đến 12 giờ 25 phút cùng ngày, khi T, M, T1, B và T2 đang đánh bạc thì bị lực lượng Công an huyện Gia Lộc phối hợp với Công an xã GT, huyện GL phát hiện bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc số tiền 14.340.000 đồng các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc và 01 bộ bài T2 lơ khơ gồm 52 quân bài.

Theo lời khai, số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc bằng hình thức “đánh liêng” như sau: Đoàn Văn B có 3.300.000 đồng; Nguyễn Hữu T1 có 1.700.000 đồng; Nguyễn Trường T2 có 1.700.000 đồng; Đoàn Văn M có 1.500.000 đồng; Bùi Văn T có 960.000 đồng;

Như vậy, theo lời khai, tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 9.160.000 đồng, không phù hợp với số tiền 14.340.000 đồng (Bắt quả tang thu giữ tại chiếu bạc) chênh lệch 5.180.000 đồng, kết thúc điều tra không xác định được là của ai. Tuy nhiên các bị cáo phải chịu trách nhiệm chung đối với số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 14.340.000 đồng.

Cáo trạng số 12/CT-VKS ngày 02/02/2021, Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Gia Lộc truy tố các bị cáo Bùi Văn T, Đoàn Văn B, Nguyễn Hữu T1, Đoàn Văn M, Nguyễn Trường T2, về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa:

Đại diện VKSND huyện Gia Lộc giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Tòa án: Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51, các điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS; các điểm a, b khoản 2 Điều 106, Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với tất cả các bị cáo. Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS đối với các bị cáo Bùi Văn T, Nguyễn Hữu T1, Đoàn Văn M, Nguyễn Trường T2. Áp dụng p khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Đoàn Văn B. Áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS đối với các bị cáo Đoàn Văn B, Đoàn Văn M, Bùi Văn T. Áp dụng Điều 38 và khoản 1, 2, 5 Điều 65 BLHS đối với các bị cáo Bùi Văn T, Đoàn Văn B, Nguyễn Hữu T1. Áp dụng Điều 36 BLHS đối với bị cáo Đoàn Văn M. Áp dụng Điều 35 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Trường T2. Áp dụng khoản 3 Điều 321 BLHS đối với các bị cáo Bùi Văn T, Đoàn Văn B, Nguyễn Hữu T1, Đoàn Văn M.

Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn T, Đoàn Văn B, Nguyễn Hữu T1, Đoàn Văn M, Nguyễn Trường T2 phạm tội "Đánh bạc".

- Xử phạt bị cáo Bùi Văn T từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Bùi Văn T cho UBND xã GT, huyện GL, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND GT, huyện GL, tỉnh Hải Dương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Xử phạt bị cáo Đoàn Văn B từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đoàn Văn B cho UBND xã GL1, huyện GL, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND GL1, huyện GL, tỉnh Hải Dương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T1 từ 08 đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 đến 20 tháng, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Hữu T1 cho UBND xã GT, huyện GL, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách

nhệm phối hợp với UBND GT, huyện GL, tỉnh Hải Dương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Xử phạt bị cáo Đoàn Văn M từ 10 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 3 ngày tạm giữ, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án;

Giao bị cáo Đoàn Văn M cho UBND xã GK, huyện GL, tỉnh Hải Dương giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã GK trong việc giám sát, giáo dục bị cáo; khấu trừ từ 10 đến 12% thu nhập hàng tháng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường T2 từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng, sung vào ngân sách nhà nước.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền các bị cáo Bùi Văn T, Đoàn Văn B, Nguyễn Hữu T1, Đoàn Văn M, mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu huỷ một bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 14.340.000 đồng.

Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Đoàn Văn B; các bị cáo khác mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Đoàn Văn B xác định quyết định truy tố của VKSND huyện Gia Lộc đối với bị cáo B là đúng, nhất trí với luận tội của VKSND huyện Gia Lộc, đề nghị HĐXX xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo và không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Đối với quan điểm của bà Nguyễn Thị S đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo B, đại diện VKSND huyện Gia Lộc không chấp nhận quan điểm này.

Các bị cáo thành khẩn khai báo về toàn bộ hành vi phạm tội của mình, công nhận kết luận điều tra, quyết định truy tố, nội dung bản luận tội của VKSND huyện Gia Lộc đối với các bị cáo là đúng và xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Gia Lộc, Điều tra viên, VKSND huyện Gia Lộc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo B không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đảm bảo tính hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Hồi 12 giờ 25 phút ngày 21/12/2020, tại nhà ở của Bùi Văn T ở thôn AT, xã GT, huyện GL, tỉnh Hải Dương, các bị cáo Bùi Văn T, Đoàn Văn B, Nguyễn Hữu T1, Nguyễn Trường T2 và Đoàn Văn M đang có hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức “đánh liêng” thì bị lực lượng Công an huyện Gia Lộc phối hợp với Công an xã GT, huyện GL phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng gồm 01 bộ bài tứ lơ khơ 52 quân bài và số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 14.340.000 đồng.

[3] Các bị cáo tham gia đánh bạc đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi đánh bạc trái phép là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn thu lợi bất chính các bị cáo vẫn cố ý cùng nhau thực hiện. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 14.340.000 đồng nên hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS. Như vậy, Quyết định truy tố của VKSND huyện Gia Lộc đối với các bị cáo là có căn cứ.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự an toàn công cộng, nếp sống văn minh của xã hội nên cần thiết phải áp dụng một hình phạt nghiêm đối với các bị cáo thì mới có tác dụng giáo dục, trừng trị, răn đe và đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Vai trò, tính chất, mức độ hành vi của từng bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn vì các bị cáo chỉ nhất thời phạm tội, không có sự câu kết, tổ chức chặt chẽ. Trong vụ án này, bị cáo T mặc dù khai sử dụng số tiền tham gia đánh bạc ít nhất 960.000đồng nhưng tham gia đánh bạc ngay từ đầu và đồng ý cho các bị cáo sử dụng phòng ngủ của gia đình mình thực hiện hành vi đánh bạc nên giữ vai trò đầu. Bị cáo B tuy vào đánh bạc sau nhưng có số tiền sử dụng vào việc đánh bạc nhiều nhất 3.300.000đồng và đã từng bị xét xử về tội đánh bạc năm 2013, tuy đã được xóa, nhưng là đối tượng có nhân thân không tốt, nên xếp vị trí thứ hai. Bị cáo T1 khai sử dụng 1.700.000đồng và tham gia đánh bạc từ đầu nên giữ vai trò thứ 3. Bị cáo M khai sử dụng 1.500.000đồng và tham gia đánh bạc từ đầu nên giữ vai trò thứ 4. Bị cáo T2 khai sử dụng 1.700.000đồng tham gia đánh bạc nhưng tham gia sau cùng nên giữ vai trò cuối cùng trong vụ án.

[6] Về nhân thân, tiền án, tiền sự, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, thấy:

Các bị cáo không có tiền án, tiền sự. Bị cáo B có nhân thân xấu.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 BLHS. Bị cáo T1, T2, M, T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo B là người khuyết tật nặng nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 51 BLHS. Các bị cáo B, M, T có bố đẻ là người có công với Nhà nước được tặng thưởng Huân chương, Huy chương nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[9] Về loại và mức hình phạt chính: Căn cứ quy định của BLHS, sau khi cân nhắc tính chất, mức độ, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, HĐXX áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo Bùi Văn T, Đoàn Văn B, Nguyễn Hữu T1. Nhưng xét thấy, các bị cáo T, B, T1 có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1, 2, 5 Điều 65 BLHS, nên cho các bị cáo này được hưởng án treo. Bị cáo Đoàn Văn M phạm tội ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng nên áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy định tại Điều 36 BLHS và khấu trừ thu nhập đối với bị cáo 10% là phù hợp. Bị cáo Nguyễn Trường T2 có vai trò thấp nhất, nên áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp theo quy định tại Điều 35 Bộ luật hình sự.

[10] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, xét thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo T, B, T1, M theo quy định tại khoản 3 Điều 321 BLHS, mới đủ mức răn đe, phòng ngừa chung.

[11] Về vật chứng vụ án: Số tiền 14.340.000 đồng là tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài là công cụ phạm tội nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[12] Chị Vũ Thị T3 không biết các bị cáo đánh bạc tại nhà ở của mình nên không phải chịu trách nhiệm.

[13] Về án phí: Các bị cáo bị tuyên có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Tuy nhiên bị cáo B là người có khuyết tật nặng nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51, các điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS; các điểm a, b khoản 2 Điều 106, Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với tất cả các bị cáo. Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS đối với các bị cáo Bùi Văn T, Nguyễn Hữu T1, Đoàn Văn M, Nguyễn Trường T2. Áp dụng

p khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Đoàn Văn B. Áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS đối với các bị cáo Đoàn Văn B, Đoàn Văn M, Bùi Văn T. Áp dụng Điều 38 và khoản 1, 2, 5 Điều 65 BLHS đối với các bị cáo Bùi Văn T, Đoàn Văn B, Nguyễn Hữu T1. Áp dụng Điều 36 BLHS đối với bị cáo Đoàn Văn M. Áp dụng Điều 35 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Trường T2. Áp dụng khoản 3 Điều 321 BLHS đối với các bị cáo Bùi Văn T, Đoàn Văn B, Nguyễn Hữu T1, Đoàn Văn M.

1. Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn T, Đoàn Văn B, Nguyễn Hữu T1, Đoàn Văn M, Nguyễn Trường T2 phạm tội "Đánh bạc".

2. Về hình phạt chính:

- Xử phạt bị cáo Bùi Văn T 10 (Mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 (Hai mươi) tháng, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Bùi Văn T cho UBND xã GT, huyện GL, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND GT, huyện GL, tỉnh Hải Dương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Xử phạt bị cáo Đoàn Văn B từ 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đoàn Văn B cho UBND xã GL1, huyện GL, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND GL1, huyện GL, tỉnh Hải Dương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T1 08 (Tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (Mười sáu) tháng, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Hữu T1 cho UBND xã GT, huyện GL, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND GT, huyện GL, tỉnh Hải Dương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp các bị cáo T, B, T1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo Đoàn Văn M 10 (Mười) tháng cải tạo không giam giữ (được trừ đi 03 ngày tạm giữ, được quy đổi thành 09 ngày cải tạo không giam giữ), bị cáo còn phải chấp hành 09 (Chín) tháng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao

bản án;

Giao bị cáo Đoàn Văn M cho UBND xã GK, huyện GL, tỉnh Hải Dương giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã GK trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Bị cáo M bị khấu trừ 10 % thu nhập hàng tháng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường T2 25.000.000đồng (Hai mươi lăm triệu đồng), sung vào ngân sách nhà nước.

3. Hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung bị cáo Bùi Văn T, Đoàn Văn B, Nguyễn Hữu T1, Đoàn Văn M mỗi bị cáo 10.000.000đồng (Mười triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước;

4. Về vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 14.340.000 đồng (Mười bốn triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng) được đựng trong 01 phong bì đã dán niêm phong số 62/CAGL ngày 25/12/2020. Tịch thu, tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài (Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Gia Lộc và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc ngày 03 tháng 03 năm 2021).

5. Về án phí: Buộc các bị cáo Bùi Văn T, Nguyễn Hữu T1, Đoàn Văn M, Nguyễn Trường T2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Đoàn Văn B.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan điều tra, Công an huyện Gia Lộc;
- Cơ quan Thi hành án hình sự, Công an huyện Gia Lộc;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ, Công an huyện Gia Lộc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Giang